

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST
Ngày: 15/5/2023
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đức
2. Bà Hoàng Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Lê – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 15/2022/TLST-KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 28/4/2023. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số 89, Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn N và Trần Văn D1 - Cán bộ xử lý nợ theo Văn bản ủy quyền số 27046/2022/UQ-LCC-KHDN TT MB ngày 07/4/2022. Ông Diễn có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam.

Địa chỉ: KM 17, Đại lộ Thăng Long, xã Y, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Trường G1 – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Đ; CCCD số 001192006962 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 31/7/2020. Địa chỉ: Xóm 3, thôn Đồng Bụt, xã NL, huyện Q, thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Trường G1** sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 57 P, phường P, quận H, Hà Nội. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam sau này đổi thành Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam (gọi tắt là Công ty G) do ông Vũ Trường G1 là người đại diện theo pháp luật có vay tại Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là VPBank) số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay từng lần số 270519-1991129-01-SME ngày 29/5/2019 (gọi tắt là HĐTD). Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày VPBank giải ngân vốn vay đầu tiên cho Công ty G. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH thương mại TIAMO. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất: được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc trong các văn bản liên quan ký kết giữa hai bên.

Ngày 29/5/2019 VPBank đã thực hiện giải ngân số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu đồng) cho Công ty G theo Khế ước nhận nợ số 270519-1991129-01-SME (gọi tắt là Khế ước nhận nợ).

Cùng ngày 29/5/2019 ông Vũ Trường G1 – là người đại diện theo pháp luật của Công ty G - cùng với VPBank ký Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-G để bảo lãnh cho Công ty G trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty G đối với VPBank phát sinh từ HĐTD và Khế ước nhận nợ nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty G đã trả được cho VPBank 738.579.173 đồng nợ gốc và 216.581.693 đồng nợ lãi trong hạn. Từ ngày 28/10/2020 Công ty G không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển quá hạn. Do đó, VPBank khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc Công ty G phải thanh toán cho VPBank toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các HĐTD nói trên, tạm tính đến ngày 25/3/2021 tổng số tiền 526.642.816 đồng bao gồm: 461.499.331 đồng nợ gốc; 65.143.485 đồng nợ lãi và phạt chậm trả lãi.

- Đề nghị tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong HĐTD và Khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty G thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

- Trong trường hợp Công ty G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VPBank, đề nghị buộc ông Vũ Trường G1 có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty G toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các HĐTD nêu trên.

- Trường hợp Công ty G và ông Vũ Trường G1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VPBank, thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty G, ông Vũ Trường G1 để thu hồi khoản nợ.

Bị đơn - Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam do bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Công ty G xác nhận có ký Hợp đồng cho vay từng lần số 270519-1991129-01-SME ngày 29/5/2019 với VPBank và xác nhận số nợ gốc hiện nay của Công ty G tại VPBank là 431.420.827 đồng. Do không đủ kinh phí để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh nên Công ty G tạm ngừng hoạt động từ ngày 25/11/2020 đến ngày 02/3/2023. Công ty mới hoạt động trở lại vào ngày 03/3/2023 nên đề nghị VPBank đồng ý cho Công ty được trả số nợ gốc, miễn lãi suất và xin được gia hạn thêm thời gian trả nợ.

Tại Văn bản ngày 10/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Vũ Trường G1 trình bày ý kiến:

Ngày 29/8/2015 VPBank và Công ty G có ký Hợp đồng cho vay từng lần số 270519-1991129-01-SME. Theo HĐTD này, VPBank đã cho Công ty G vay số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 29/5/2019 đến ngày 29/5/2020. Thời điểm này ông đang là người đại diện theo pháp luật của Công ty G nên ông có ký với VPBank Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-G ngày 29/5/2019 để đảm bảo khoản vay trên của Công ty G.

Công ty G đã trả được một phần nợ cho VPBank. Đến thời điểm hiện nay, Công ty G còn nợ VPBank 431.420.827đ nợ gốc. Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên hoạt động kinh doanh bị trì trệ, Công ty G đã phải ngừng hoạt động đến ngày 02/3/2023, không có doanh thu để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bản thân ông là người đại diện theo pháp luật cũng đã dùng toàn bộ tài sản cá nhân để thực hiện trả nợ thay cho Công ty G đối với các khoản tiền công, tiền lương và nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Do đó, ông không có khả năng chi

trả, không còn bất cứ tài sản hay điều kiện kinh tế nào để đảm bảo cho nghĩa vụ của Hợp đồng bảo lãnh nói trên. Ông đề nghị không dùng tài sản cá nhân của ông để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay này của Công ty G. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, xem xét kê biên tài sản của Công ty G (nếu có) để thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay của Công ty đối với VPBank. Ông xin được vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Q.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án:

+ Buộc Công ty G phải trả cho VPBank số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần số 270519-1991129-01-SME ngày 29/5/2019 và Khế ước nhận nợ số 270519-1991129-01-SME ngày 29/5/2019, tính đến ngày 15/5/2023 là: 795.975.119đ (Bảy trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm mười chín đồng). Trong đó: Nợ gốc: 461.420.827đ (Bốn trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng), lãi trong hạn: 13.537.636đ (Mười ba triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng), lãi quá hạn trên nợ gốc quá hạn: 321.016.656đ (Ba trăm hai mươi một triệu, không trăm mười sáu nghìn, sáu trăm năm mươi sáu đồng). VPBank rút yêu cầu về lãi phạt chậm trả lãi là 43.595.031 đồng.

+ Buộc Công ty G tiếp tục phải trả cho VPBank tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 16/5/2023 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

+ Về bảo lãnh: Trường hợp Công ty G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc ông G1 phải thực hiện nghĩa vụ thay Công ty G. Trường hợp Công ty G và ông G1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty G, ông Vũ Trường G1 để thu hồi khoản nợ.

+ Công ty G phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Công ty G và ông Vũ Trường G1 xin được vắng mặt nên không có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ

lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 335, 336, 339, 342 và 466 Bộ Luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 4, Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty G phải trả VPBank số tiền còn nợ theo HĐTD và Khế ước nhận nợ đã nêu, tạm tính đến ngày 15/5/2023 là 795.975.119 (Bảy trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm mười chín đồng), trong đó gồm: Nợ gốc: 431.420.827đ; Nợ lãi trong hạn: 13.537.636đ và nợ lãi quá hạn trên nợ gốc quá hạn: 321.016.656đ. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong HĐTD. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần V thì lãi suất mà Công ty G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần V. Trường hợp Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V thì ông Vũ Trường G1 phải thực hiện nghĩa vụ đó. Công ty G phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Theo đơn khởi kiện được sửa đổi, bổ sung ngày 15/4/2021, VPBank khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là Công ty G có địa chỉ trụ sở chính tại KM 17, Đại lộ Thăng Long, xã Y, huyện Q, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại

khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Công ty G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Trường G1 xin được vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng tín dụng:

Ngày 29/5/2019, Công ty TNHH đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam (sau này là Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam) đã ký Hợp đồng cho vay từng lần số 270519-1991129-01-SME với Ngân hàng thương mại cổ phần V (VPBank) để vay số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) mục đích bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH thương mại TIAMO theo hóa đơn số 00000074. Hợp đồng tín dụng có ghi rõ thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn vay, thời hạn trả nợ gốc và lãi tiền vay, lãi suất cho vay và phương pháp tính lãi, Các chủ thể đã tự nguyện thỏa thuận ký kết hợp đồng theo hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 385, 401 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 14 và 16 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Cùng ngày 29/5/2019, VPBank đã thực hiện giải ngân cho Công ty G toàn bộ số tiền 1.200.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số 270519-1991129-01-SME. Do đó, Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[2.2]. Về yêu cầu trả nợ gốc:

Quá trình giải quyết vụ án, trong bản tự khai ngày 01/3/2023, đại diện VPBank đã cung cấp số dư nợ gốc của Công ty G đến thời điểm ngày 01/3/2023 là 431.420.827 đồng. Tại phiên tòa, đại diện VPBank xác định ngay tại đơn khởi kiện của VPBank đã nêu dư nợ gốc của Công ty G là 461.499.331 đồng. Do sai sót khi thực hiện thao tác tính toán trên máy tính nên mới có sự chênh lệch về số liệu này. Đại diện VPBank khẳng định dư nợ gốc của Công ty G tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 461.420.827đ.

Căn cứ bản sao kê tính lãi thể hiện tính đến ngày 15/5/2023, Công ty G đã thanh toán được 738.579.173đ (Bảy trăm ba mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng) nợ gốc. Do đó, dư nợ gốc hiện nay của Công ty G là 461.420.827đ (Bốn trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng). Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VPBank, buộc Công ty G phải thanh toán trả cho VPBank số

nợ gốc hiện còn là 461.420.827đ (Bốn trăm ba mươi một triệu bốn trăm hai mươi nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng).

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ lãi:

VPBank yêu cầu Tòa án buộc Công ty G thanh toán tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 15/5/2023 gồm:

- Nợ lãi trong hạn: Công ty G đã trả được 216.581.693 đồng, còn nợ 13.537.636 đồng.

- Nợ lãi quá hạn trên dư nợ gốc quá hạn: từ 28/10/2020 khoản nợ bị quá hạn và Công ty G chưa trả được lãi quá hạn, hiện vẫn còn 321.016.656 đồng.

Đồng thời, yêu cầu Công ty G vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 16/5/2023 trên dư nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán hết nợ, theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã nêu.

VPBank rút yêu cầu đối với số tiền lãi phạt chậm trả là 43.595.031 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nói trên, các bên đã tự nguyện thỏa thuận cụ thể về lãi suất cho vay, phương pháp tính lãi, cơ chế điều chỉnh lãi suất. Thỏa thuận này hoàn toàn phù hợp với quy định về lãi suất cho vay tại Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối chiếu với bảng kê tính lãi đối với khoản vay của Công ty G thì thấy mức lãi suất của khoản vay đã được điều chỉnh phù hợp với Biểu lãi suất điều chuyển vốn của VPBank, phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và không vượt quá quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Đại diện Công ty G không đồng ý số tiền lãi và phạt chậm trả, xin được miễn lãi suất do Công ty gặp nhiều khó khăn, phải tạm ngừng hoạt động kinh doanh trong thời gian từ ngày 25/11/2020 đến ngày 02/3/2023. Tuy nhiên, trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ không thể hiện thỏa thuận của các bên về cách tính lãi, mức lãi suất áp dụng trong trường hợp công ty tạm ngừng hoạt động. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của VPBank về trả tiền lãi như nêu trên là có căn cứ. Buộc Công ty G phải trả cho VPBank tiền nợ lãi tính đến ngày 15/5/2023 gồm: nợ lãi trong hạn là 13.537.636đ (Mười

ba triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng); Nợ lãi quá hạn trên dư nợ gốc quá hạn là 321.016.656đ (Ba trăm hai mươi một triệu, không trăm mười sáu nghìn, sáu trăm năm mươi sáu đồng).

Buộc Công ty G phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền gốc chưa trả tính từ ngày 16/5/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nói trên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của VPBank thì lãi suất mà Công ty G phải tiếp tục thanh toán cho VPBank theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của VPBank.

Ghi nhận sự tự nguyện của VPBank về việc rút yêu cầu đòi với tiền phạt chậm trả lãi 43.595.031đ (Bốn mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi một đồng).

[2.4] Về Hợp đồng bảo lãnh:

Ngày 29/5/2019 tại Ngân hàng TMCP V, ông Vũ Trường G1 đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK - G (sau đây gọi tắt là Hợp đồng bảo lãnh) để bảo lãnh cho khoản vay nói trên của Công ty G.

Tại Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh, các bên thỏa thuận phạm vi bảo lãnh như sau: *“Bên bảo lãnh (ông G1) đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh (Công ty G) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty G đối với VPBank phát sinh từ Hợp đồng cho vay từng lần số 270519-1991129-01-SME ngày 29/5/2019 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty G và VPBank....”* Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh quy định các trường hợp mà Bên bảo lãnh (ông G1) có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh (Công ty G) thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty G quy định tại Điều 1 một cách vô điều kiện và không hủy ngang. Tại Điều 3 của Hợp đồng bảo lãnh, ông G1 đã *“cam kết chấp thuận và nghiêm túc thực hiện toàn bộ nội dung của Hợp đồng này và sẽ không viện dẫn bất kỳ lý do nào để từ chối không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ bảo lãnh của mình theo Hợp đồng này”*. Thỏa thuận này của các bên trong Hợp đồng bảo lãnh được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Về nội dung và hình thức hợp đồng bảo lãnh phù hợp với quy định tại Điều 335, 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ bảo lãnh của ông G1 đối với

Hợp đồng cho vay từng lần số 270519-1991129-01-SME và Khế ước nhận nợ số 270519-1991129-01-SME được ký cùng ngày 29/5/2019 giữa Công ty G với VPBank.

Đại diện VPBank trình bày, theo thỏa thuận trong Khế ước nhận nợ, đến ngày 29/5/2020 Công ty G phải tất toán khoản vay nhưng được VPBank gia hạn đến tháng 11/2020. Tuy nhiên, Công ty G vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 28/10/2020. Do đó, VPBank yêu cầu ông G1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi xảy ra một trong các trường hợp mà các bên đã thỏa thuận tại khoản 1 Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh là phù hợp với quy định tại Điều 339, 342 Bộ luật Dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông G1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay Công ty G trong trường hợp Công ty G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VPBank.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 335, 336, 339, 342 và 466 Bộ Luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 4, Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017.

Căn cứ Điều 7 và 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam.

2. Buộc Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 270519-1991129-01-SME ngày 29/5/2019 và Khế ước nhận nợ số

270519-1991129-01-SME ngày 29/5/2019, tạm tính đến ngày 15/5/2023 là 795.975.119 (Bảy trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm mười chín đồng), trong đó gồm:

+ Nợ gốc: 461.420.827đ (Bốn trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 13.537.636đ (Mười ba triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

+ Nợ lãi quá hạn trên nợ gốc quá hạn: 321.016.656đ (Ba trăm hai mươi một triệu, không trăm mười sáu nghìn, sáu trăm năm mươi sáu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của VPBank về việc rút yêu cầu đối với tiền phạt chậm trả lãi 43.595.031đ (Bốn mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi một đồng).

3. Kể từ ngày 16/5/2023 Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần số 270519-1991129-01-SME ngày 29/5/2019 và Khế ước nhận nợ số 270519-1991129-01-SME ngày 29/5/2019, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần V thì lãi suất mà Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

4. Trường hợp Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V thì ông Vũ Trường G1 phải thực hiện nghĩa vụ đó.

5. Về án phí:

- Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và xây dựng G Việt Nam phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định là 35.839.000đ (Ba mươi lăm triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng).

- Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền 12.532.000đ (Mười hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp

theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2020/0000444 ngày 21/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, Thành phố Hà Nội.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS H. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA; VPTA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy

Nơi nhân:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS H. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA; VPTA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà